

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Tên chương trình** : Đào tạo thạc sĩ Chăn nuôi  
**Trình độ đào tạo** : Thạc sĩ  
**Ngành đào tạo** : Chăn nuôi  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy  
**Mã số:** : 86 20 105

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 455/QĐ-ĐHHV ngày 24/6/2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

### **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Chăn nuôi
  - + Tiếng Anh: Animal Science
- Mã số chuyên ngành đào tạo : 86 20 105
- Trình độ đào tạo : Thạc sĩ.
- Số tín chỉ : 60
- Loại chương trình đào tạo : Định hướng ứng dụng
- Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Hùng Vương

#### **1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

##### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi có năng lực tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất chăn nuôi; có năng lực giải quyết các vấn đề chuyên sâu, vấn đề mới thuộc lĩnh vực chăn nuôi; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi; có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp, có phương pháp luận và tự chủ trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và hội nhập.

##### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Ứng dụng hệ thống tri thức khoa học và kiến thức chuyên sâu chuyên môn để tổ chức, quản lý, điều hành trong hoạt động nghề nghiệp.
- Năng lực nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.
- Kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, giải quyết vấn đề các vấn đề mới thuộc lĩnh vực chăn nuôi.
- Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường chuyên môn hóa.

### **1.3. Thông tin tuyển sinh**

#### **1.3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển**

Các môn thi tuyển sinh gồm 3 môn thi:

1. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh
2. Môn cơ sở: Sinh lý động vật
3. Môn cơ bản: Chăn nuôi lợn

#### **1.3.2. Điều kiện dự thi**

*Về văn bằng:* Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi (những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành khác với chuyên ngành dự thi thì phải học bổ sung kiến thức trước khi thi để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng).

*Về kinh nghiệm công tác:* Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký tuyển sinh được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp ngành khác thì phải có tối thiểu 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

*Về sức khỏe:* Có đủ sức khỏe để học tập.

*Về lý lịch bản thân:* Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

*Về thủ tục:* Nộp hồ sơ đúng hạn và đầy đủ theo Quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương. Nộp lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thủ tục, thời hạn theo qui định của Bộ GD&ĐT, của cơ sở đào tạo.

### **1.4. Hình thức và thời gian đào tạo**

1.4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

1.4.2. Thời gian đào tạo: 18 – 24 tháng.

### **1.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ kèm theo Quyết định số 1618/QĐ-ĐHHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương.

### **1.6. Cách thức đánh giá**

Theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1618/QĐ-ĐHHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

**PLO1.** Vận dụng được hệ thống tri thức khoa học, pháp luật của nhà nước để phân tích, giải thích những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra cho ngành Chăn nuôi.

**PLO2.** Phân tích được các yếu tố tác động trong lĩnh vực chuyên sâu của cơ sở chuyên ngành để giải thích các vấn đề mới nảy sinh thuộc lĩnh vực chăn nuôi.

**PLO3.** Xây dựng các chương trình sản xuất chăn nuôi có hiệu quả, đảm bảo phát triển chăn nuôi bền vững.

**PLO4.** Vận dụng những tiến bộ mới trong chăn nuôi chuyên ngành vào thực tế sản xuất, giải quyết những công việc chuyên môn hóa cao, các vấn đề không có tính quy luật, khó dự báo của ngành.

### **2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

**PLO5.** Có kỹ năng tổng hợp, viết báo cáo, truyền đạt vấn đề và giải quyết vấn đề khoa học một cách rõ ràng, dễ hiểu.

**PLO6.** Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và phản biện các vấn đề liên quan đến chăn nuôi.

**PLO7.** Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 của Việt Nam hoặc tương đương.

**PLO8.** Có năng lực chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tư vấn chuyên môn trong lĩnh vực chăn nuôi.

**PLO9.** Có kỹ năng tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất ngành chăn nuôi

**PLO10.** Có năng lực xây dựng và thực hiện các biện kỹ phát để đảm bảo phát triển chăn nuôi bền vững.

### **2.3. Chuẩn đầu ra về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp**

**PLO11.** Tuân thủ pháp luật, tuân thủ nội quy làm việc, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn

**PLO12.** Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chủ động trong xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyên môn, có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

### **2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, Thạc sĩ Nông nghiệp chuyên ngành Chăn nuôi có cơ hội và vị trí việc làm như sau:

- Làm quản lý, chuyên viên tại các cơ quan quản lý và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

- Làm quản lý, kỹ thuật viên, nghiên cứu viên, KCS tại các cơ quan, viện nghiên cứu lĩnh vực chăn nuôi, thú y; các công ty thức ăn chăn nuôi.

- Làm quản lý, nhân viên kinh doanh, kỹ thuật, chuyên viên tư vấn tại các doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.

- Làm chủ các trang trại, công ty phân phối, xuất nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi thú y do tự khởi nghiệp.

- Làm giảng viên tại các Trường có đào tạo chăn nuôi, thú y.

- Làm chuyên gia cho các tổ chức phi chính phủ.

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

b) Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

- *Khối kiến thức chung: 06 tín chỉ*

- *Khối kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ*

+ Bắt buộc: 13 tín chỉ

+ Tự chọn: 8 tín chỉ

- *Khối kiến thức chuyên ngành: 18*

+ Bắt buộc: 10 tín chỉ

+ Tự chọn: 8 tín chỉ

- *Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ*

#### 3.2. Nội dung chương trình

3.2: Nội dung chương trình

| TT    | Mã số học phần                    | Tên học phần                                | Số tín chỉ | Loại giờ tín chỉ |            | Tự học, tự nghiên cứu | Học phần học trước |
|-------|-----------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------|------------|-----------------------|--------------------|
|       |                                   |                                             |            | LT               | BT, TL, TH |                       |                    |
| I     | Khối kiến thức chung              |                                             | 6          |                  |            |                       |                    |
| 1     | LC1327                            | Triết học                                   | 3          | 30               | 15         | 90                    |                    |
| 2     | NN1322                            | Tiếng Anh                                   | 3          | 30               | 15         | 90                    |                    |
| II    | Khối kiến thức cơ sở              |                                             | 21         |                  |            |                       |                    |
| II.1  | Bắt buộc                          |                                             | 13         |                  |            |                       |                    |
| 3     | AS2201                            | Hóa sinh động vật nâng cao                  | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 4     | AS2302                            | Sinh lý động vật nâng cao                   | 3          | 30               | 15         | 90                    |                    |
| 5     | AS2203                            | Chọn lọc và nhân giống vật nuôi nâng cao    | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 6     | AS2204                            | Dinh dưỡng động vật nâng cao                | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 7     | AS2205                            | Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi      | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 8     | AS2206                            | Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi        | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| II.2  | Tự chọn (chọn 4 trong 6 học phần) |                                             | 8          |                  |            |                       |                    |
| 9     | AS2207                            | Sinh lý sinh sản nâng cao                   | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 10    | AS2208                            | Di truyền phân tử ứng dụng                  | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 11    | AS2209                            | Quản lý giống vật nuôi                      | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 12    | AS2210                            | Công nghệ thức ăn chăn nuôi                 | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 13    | AS2211                            | Di truyền số lượng ứng dụng trong chăn nuôi | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 14    | AS2212                            | Thức ăn bổ sung và phụ gia                  | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| III   | Phân kiến thức chuyên ngành       |                                             | 18         |                  |            |                       |                    |
| III.1 | Bắt buộc                          |                                             | 10         |                  |            |                       |                    |
| 15    | AS2226                            | Những tiến bộ mới trong chăn nuôi           | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |

| TT           | Mã số học phần                           | Tên học phần                               | Số tín chỉ | Loại giờ tín chỉ |            | Tự học, tự nghiên cứu | Học phần học trước |
|--------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|------------|------------------|------------|-----------------------|--------------------|
|              |                                          |                                            |            | LT               | BT, TL, TH |                       |                    |
|              |                                          | gia súc nhai lại                           |            |                  |            |                       |                    |
| 16           | AS2214                                   | Những tiến bộ mới trong chăn nuôi gia cầm  | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 17           | AS2215                                   | Những tiến bộ mới trong chăn nuôi lợn      | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 18           | AS2216                                   | Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh          | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 19           | AS2217                                   | Seminar về chăn nuôi chuyên khoa           | 2          | 15               | 15         | 60                    |                    |
| <b>III.2</b> | <b>Tự chọn (chọn 4 trong 7 học phần)</b> |                                            | <b>8</b>   |                  |            |                       |                    |
| 20           | AS2218                                   | Đánh giá và quản lý chất lượng thức ăn     | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 21           | AS2219                                   | Vệ sinh an toàn thực phẩm                  | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 22           | AS2220                                   | Hệ thống chăn nuôi                         | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 23           | AS2221                                   | Đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi     | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 24           | AS2227                                   | Ứng dụng tập tính và Welfare trên động vật | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 25           | AS2223                                   | Độc chất trong thức ăn và bệnh dinh dưỡng  | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| 26           | AS2224                                   | Chuồng trại và quản lý chất thải chăn nuôi | 2          | 20               | 10         | 60                    |                    |
| <b>IV</b>    | <b>Luận văn tốt nghiệp</b>               |                                            | <b>15</b>  |                  |            |                       |                    |
| 27           | AS2925                                   | Luận văn tốt nghiệp                        | 15         |                  |            |                       |                    |
| <b>Cộng</b>  |                                          |                                            | <b>60</b>  |                  |            |                       |                    |

### 3.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

3.3: Kế hoạch giảng dạy (áp dụng)

| TT | Mã số học phần       | Tên học phần                             | Số tín chỉ | Học kỳ |   |   |   |
|----|----------------------|------------------------------------------|------------|--------|---|---|---|
|    |                      |                                          |            | 1      | 2 | 3 | 4 |
| I  | Khối kiến thức chung |                                          | 6          |        |   |   |   |
| 1  | LC1327               | Triết học                                | 3          | x      |   |   |   |
| 2  | NN1322               | Tiếng Anh                                | 3          | x      |   |   |   |
| II | Khối kiến thức cơ sở |                                          | 21         |        |   |   |   |
| 3  | AS2201               | Hóa sinh động vật nâng cao               | 2          | x      |   |   |   |
| 4  | AS2302               | Sinh lý động vật nâng cao                | 3          | x      |   |   |   |
| 5  | AS2203               | Chọn lọc và nhân giống vật nuôi nâng cao | 2          | x      |   |   |   |
| 6  | AS2204               | Dinh dưỡng động vật nâng cao             | 2          | x      |   |   |   |
| 7  | AS2205               | Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi   | 2          |        | x |   |   |
| 8  | AS2206               | Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi     | 2          |        | x |   |   |
| 9  |                      | Kiến thức cơ sở tự chọn 1                | 2*         | x      |   |   |   |

| TT           | Mã số học phần                     | Tên học phần                                       | Số tín chỉ | Học kỳ    |           |           |           |
|--------------|------------------------------------|----------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|              |                                    |                                                    |            | 1         | 2         | 3         | 4         |
| 10           |                                    | Kiến thức cơ sở tự chọn 2                          | 2*         |           | x         |           |           |
| 11           |                                    | Kiến thức cơ sở tự chọn 3                          | 2*         |           | x         |           |           |
| 12           |                                    | Kiến thức cơ sở tự chọn 4                          | 2*         |           | x         |           |           |
| <b>III</b>   | <b>Khối kiến thức chuyên ngành</b> |                                                    | <b>18</b>  |           |           |           |           |
| 13           | AS2226                             | Những tiến bộ mới trong chăn nuôi gia súc nhai lại | 2          |           | x         |           |           |
| 14           | AS2214                             | Những tiến bộ mới trong chăn nuôi gia cầm          | 2          |           |           | x         |           |
| 15           | AS2215                             | Những tiến bộ mới trong chăn nuôi lợn              | 2          |           | x         |           |           |
| 16           | AS2216                             | Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh                  | 2          |           |           | x         |           |
| 17           | AS2217                             | Seminar về chăn nuôi chuyên khoa                   | 2          |           |           | x         |           |
| 18           |                                    | Kiến thức chuyên ngành tự chọn 1                   | 2*         |           | x         |           |           |
| 19           |                                    | Kiến thức chuyên ngành tự chọn 2                   | 2*         |           |           | x         |           |
| 20           |                                    | Kiến thức chuyên ngành tự chọn 3                   | 2*         |           |           | x         |           |
| 21           |                                    | Kiến thức chuyên ngành tự chọn 4                   | 2*         |           |           | x         |           |
| <b>IV</b>    | <b>Luận văn tốt nghiệp</b>         |                                                    | <b>15</b>  |           |           |           |           |
| 22           | AS2925                             | Luận văn tốt nghiệp                                | 15         |           |           |           | x         |
| <b>Cộng:</b> |                                    |                                                    | <b>60</b>  | <b>17</b> | <b>16</b> | <b>12</b> | <b>15</b> |

### 3.4. Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các học phần

#### 3.4.1. Khối kiến thức chung

##### 1. Triết học

3TC

Học phần triết học bao gồm 4 chương, trong đó, chương 1 trình bày những nội dung cơ bản về lịch sử phát triển của triết học phương Đông, Phương tây, tư tưởng triết học Việt Nam và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chương 2, các nội dung nâng cao về triết học Mác – Lênin, vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin; Chương 3 mối quan hệ giữa triết học và khoa học, vai trò của triết học đối với sự phát triển của khoa học và vai trò của khoa học đối với sự phát triển của xã hội; Chương 4 đề cập những vấn đề cơ bản về vai trò của khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển của Việt Nam nói riêng.

##### 2. Tiếng Anh

3TC

Học phần bao gồm 10 chủ đề phổ biến đối với cuộc sống hàng ngày và trong các bài thi B1. Mỗi bài học bắt đầu với phần khởi động với các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, Từ vựng về các chủ đề của bài học. Sau đó đến phần luyện một kỹ năng trong số Nghe, Nói, Đọc, Viết để dẫn vào phần Ngữ pháp và Từ vựng theo chủ đề của bài. Cuối cùng là một số hoạt động để luyện tập, củng cố, mở rộng các nội dung, kỹ năng đã học trong bài.

Sau mỗi đơn vị bài học có một phần định hướng bài thi PET gồm các dạng thức, các phần trong từng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết để học viên làm quen và luyện tập, định hướng cho bài thi đạt chuẩn đầu ra B1.

### **3.4.2. Khối kiến thức cơ sở**

#### **3. Hóa sinh động vật nâng cao**

**2TC**

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về các biopolymer, enzyme, năng lượng sinh học, màng sinh học và sự vận chuyển qua màng; biết ứng dụng của việc nghiên cứu sự vận chuyển các chất qua màng sinh học.

#### **4. Sinh lý động vật nâng cao**

**3TC**

Học phần giới thiệu các kiến thức về những tiến bộ mới trong tiêu hoá và hấp thu ở động vật dạ dày đơn, động vật nhai lại; các rối loạn tiêu hoá và bệnh lý hấp thu; cơ sở sinh học của tập tính động vật và tập tính về ăn uống và sinh sản ở vật nuôi.

#### **5. Chọn lọc và nhân giống vật nuôi nâng cao**

**2TC**

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức về chọn lọc vật nuôi gồm: chỉ số chọn lọc, ước tính giá trị giống và nhân giống vật nuôi: nhân giống thuần chủng và lai giống; hệ thống nhân giống.

#### **6. Dinh dưỡng động vật nâng cao**

**2TC**

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về các thành phần dinh dưỡng có trong thức ăn, vai trò, tác động của chúng đến các quá trình sinh lý sinh hóa trong hấp thu và chuyển hóa thức ăn ở động vật, sự ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm trong chăn nuôi; ứng dụng các giải pháp công nghệ mới như công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ vi sinh trong nghiên cứu tác động và bổ sung dinh dưỡng cho vật nuôi. Tổ chức các seminar chuyên đề về tác động của một số thành phần dinh dưỡng quan trọng đến cơ thể động vật.

#### **7. Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi**

**2TC**

Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi. Xác định chủ đề nghiên cứu. Thu thập dữ liệu và lập kế hoạch nghiên cứu. Chọn mẫu và lấy mẫu. Xử lý số liệu thí nghiệm. Phân tích và giải thích kết quả. Viết báo cáo kết quả nghiên cứu. Trình bày và công bố kết quả nghiên cứu.

#### **8. Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi**

**2TC**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về việc ứng dụng các vi sinh vật có lợi trong sản xuất các sản phẩm lên men, sinh khối tế bào và các chế phẩm sinh học nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh. Môn học bao gồm những nội dung sau: Sản phẩm của công nghệ vi sinh; Các kỹ thuật lên men công nghiệp; Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất sinh khối tế bào và các chế phẩm sinh học từ các nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp và phụ phẩm nông nghiệp; Ứng dụng công nghệ vi sinh trong xử lý chất thải chăn nuôi.

#### **9. Sinh lý sinh sản nâng cao**

**2TC**

Học phần giới thiệu những tiến bộ về lĩnh vực sinh sản của động vật và các biện pháp nhằm nâng cao năng suất sinh sản của vật nuôi. Bổ sung, cập nhật và nâng cao các thông tin liên quan đến sinh sản như cơ chế điều tiết hormone, mối quan hệ giữa các loại hormone trong cơ thể đối với các hoạt động sinh sản của động vật; các quá trình: động dục, rụng trứng, chữa, đẻ và các ứng dụng trong chăn nuôi gia súc sinh sản.

#### **10. Di truyền phân tử ứng dụng**

**2TC**

Học phần trình bày về một số kỹ thuật ứng dụng di truyền phân tử (PCR, giải trình tự gen, ADN tái tổ hợp). Đa hình di truyền gen. Chuyển gen và tạo động vật chuyển gen. Ứng dụng của di truyền phân tử trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức kháng bệnh của vật nuôi. Xác định nguồn gốc di truyền của vật nuôi.

### **11. Quản lý giống vật nuôi**

**2TC**

Học phần cung cấp các kiến thức về hệ thống quản lý giống các loại vật nuôi. Các chương trình cải tiến giống vật nuôi tiên tiến và ứng dụng trong điều kiện Việt Nam (lợn, bò sữa, bò thịt, gia cầm).

### **12. Công nghệ thức ăn chăn nuôi**

**2TC**

Học phần cung cấp kiến thức về công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi bao gồm: Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi (chế biến thức ăn hạt, chế biến thức ăn có nguồn gốc động vật); Công nghệ chế biến thức ăn hỗn hợp (dây chuyền sản xuất, quy trình sản xuất); Công nghệ chế biến thức ăn thô và phụ phẩm.

### **13. Di truyền số lượng ứng dụng trong chăn nuôi**

**2TC**

Học phần giới thiệu những khái niệm về di truyền số lượng. Giá trị, hiệu ứng của gen, phân chia phương sai di truyền. Quan hệ di truyền giữa các cá thể. Các tham số di truyền và phương pháp ước tính. Hiệu quả chọn lọc. Các thành tựu của di truyền số lượng ứng dụng trong chăn nuôi.

### **14. Thức ăn bổ sung và phụ gia**

**2TC**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về bản chất, cấu tạo, cơ chế tác động và cách sử dụng của các nhóm thức ăn bổ sung phụ gia. Giới thiệu các loại thức ăn bổ sung và phụ gia phổ biến sử dụng trong sản xuất thức ăn công nghiệp, các tiến bộ mới về công nghệ thức ăn bổ sung phụ gia, cách sản xuất cũng như hệ thống các văn bản liên quan đến quản lý sử dụng thức ăn bổ sung phụ gia trong chăn nuôi.

### **3.4.3. Phần kiến thức chuyên ngành**

#### **15. Những tiến bộ mới trong chăn nuôi gia súc nhai lại**

**2TC**

Giới thiệu về xu thế phát triển chăn nuôi gia súc nhai lại trên thế giới và ở Việt Nam. Các hệ thống tổ chức sản xuất và ngành hàng chăn nuôi gia súc nhai lại trên thế giới và ở Việt Nam. Những tiến bộ mới về di truyền-giống, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại. Những vấn đề mới về chuồng trại và quản lý chất thải trong chăn nuôi gia súc nhai lại.

#### **16. Những tiến bộ mới trong chăn nuôi gia cầm**

**2TC**

Học phần cung cấp những kiến thức mới về xu thế phát triển chăn nuôi gia cầm trên thế giới và ở Việt Nam. Các hệ thống sản xuất chăn nuôi gia cầm. Những tiến bộ về công tác giống, dinh dưỡng, nuôi dưỡng, đánh giá chất lượng thịt, trứng gia cầm. Thăm quan mô hình chăn nuôi gia cầm tiên tiến.

#### **17. Những tiến bộ mới trong chăn nuôi lợn**

**2TC**

Học phần cung cấp những kiến thức mới về xu thế phát triển chăn nuôi lợn trên thế giới và ở Việt Nam. Các hệ thống sản xuất chăn nuôi lợn. Những tiến bộ về công tác giống, nuôi dưỡng, quản lý chất thải trong chăn nuôi lợn. Phân tích ngành hàng chăn nuôi lợn.

#### **18. Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh**

**2TC**

Học phần Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh trang bị cho học viên những kiến thức về các bệnh truyền nhiễm của gia súc, gia cầm; các biện pháp phòng chống bệnh. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho nghiên cứu sinh các thông tin mới về các bệnh xuất hiện tại Việt Nam trong những năm gần đây.

#### **19. Seminar về chăn nuôi chuyên khoa**

**2TC**

Học phần giúp cho học viên có kỹ năng thu thập tài liệu, đọc, tổng hợp viết tiểu luận,

trình bày seminar và thảo luận nhóm và hiểu được những vấn đề cơ bản và cập nhập các vấn đề đang được quan tâm trong lĩnh vực chăn nuôi.

## **20. Đánh giá và quản lý chất lượng thức ăn**

2TC

Học phần cung cấp kiến thức về các biện pháp để đánh giá và quản lý chất lượng thức ăn sử dụng trong chăn nuôi bao gồm: phân tích và xác định thành phần hóa học – giá trị dinh dưỡng của thức ăn; đánh giá chất lượng thức ăn bằng các phương pháp cảm quan, vật lý, hóa học, sinh học; hệ thống các văn bản quy định tiêu chuẩn chất lượng của thức ăn sử dụng trong chăn nuôi; phương pháp lấy mẫu và quy trình kiểm định chất lượng nguyên vật liệu thô sử dụng trong sản xuất thức ăn hỗn hợp công nghiệp; đăng ký tiêu chuẩn chất lượng thức ăn chăn nuôi.

## **21. Vệ sinh an toàn thực phẩm**

2TC

Môn học giới thiệu cho học viên những kiến thức tổng hợp và toàn diện về vệ sinh an toàn thực phẩm, thực trạng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay, những giải pháp cần thực hiện nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ở nước ta trong hiện tại và tương lai.

## **22. Hệ thống chăn nuôi**

2TC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống chăn nuôi, cấu trúc các hệ thống chăn nuôi ở các vùng lãnh thổ nhiệt đới và cận nhiệt đới trong đó có Việt Nam, cấu trúc về hệ thống các ngành hàng chăn nuôi ở Việt Nam. Bên cạnh đó học phần còn nghiên cứu về hệ thống chăn nuôi - những yếu tố tác động và ảnh hưởng tới sự phát triển của chăn nuôi trong các giai đoạn phát triển kinh tế.

## **23. Đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi**

2TC

Học phần cung cấp những kiến thức về thành phần hóa học và một số tính chất lý hóa của các sản phẩm chăn nuôi chính (thịt, trứng, sữa). Những khái niệm về chất lượng sản phẩm chăn nuôi (chất lượng cảm quan, giá trị dinh dưỡng và vệ sinh an toàn). Các phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.

## **24. Ứng dụng tập tính và Welfare trên động vật**

2TC

Học phần cung cấp kiến thức về tập tính của vật nuôi và các cầu nối giữa chúng với chủ sở hữu giúp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và vận chuyển gia súc tốt nhất không gây ra các stress cho chúng. Ứng dụng thiết kế chuồng trại, trang thiết bị đúng kỹ thuật và quan tâm đến các nhu cầu của gia súc, gia cầm. Điều đó góp phần làm nâng cao năng suất của vật nuôi, đảm bảo thỏa mãn được các quyền lợi của vật nuôi.

## **25. Độc chất trong thức ăn và bệnh dinh dưỡng**

2TC

Học phần cung cấp những kiến thức về các loại chất độc trong thức ăn: chất độc có sẵn trong thức ăn, chất độc sinh ra do bảo quản, chất độc sinh ra do chuyển hóa và tương tác giữa các thành phần dinh dưỡng, chất độc bị nhiễm hoặc do con người cố ý cho vào thức ăn; Các kiến thức về bệnh dinh dưỡng ở vật nuôi: bệnh do thừa thiếu các thành phần dinh dưỡng, bệnh do rối loạn chuyển hóa các chất dinh dưỡng, bệnh do ngộ độc thức ăn.

## **26. Chuồng trại và quản lý chất thải chăn nuôi**

2TC

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức về yêu cầu cơ bản trong xây dựng, thiết kế chuồng trại để đảm bảo tiêu khí hậu chuồng nuôi cho phù hợp với các đối tượng chăn nuôi. Đồng thời học phần cũng phân tích, đánh giá thực trạng các nguồn chất thải trong chăn nuôi và những giải pháp để quản lý chất thải giảm, thiểu các tác động gây ô nhiễm môi trường.

## 27. Luận văn tốt nghiệp

15TC

- Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể, chuyên sâu hoặc tổng quan liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi.
- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn phù hợp với điều kiện thực tế chăn nuôi của Việt Nam.
- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của Luật sở hữu trí tuệ.
- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.
- Nội dung và kết quả nghiên cứu của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã nắm vững và vận dụng được các kiến thức về lí luận và thực tiễn để nghiên cứu và chứng tỏ được khả năng nghiên cứu của tác giả.
- Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa; Cấu trúc và hình thức trình bày của luận văn theo đúng quy định của Trường Đại học Hùng Vương.

### 3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chăn nuôi được thiết kế theo mô hình đơn ngành và tuân thủ các quy định chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ tiến sĩ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy, đã qua bồi dưỡng sư phạm. Ngoài những giảng viên cơ hữu, nhà trường còn mời các nhà khoa học, các giảng viên có trình độ cao từ các trường đại học, viện nghiên cứu tham gia giảng dạy.

Về cơ sở vật chất: Có đủ và đảm bảo tiêu chuẩn về phòng học lý thuyết, thực hành, phòng tin học, ngoại ngữ... Thư viện có đầy đủ sách báo, tạp chí, để giảng viên và học viên nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

Căn cứ đề cương chi tiết từng môn học và năng lực giảng viên để phân công giảng viên phụ trách chính, phụ trách phụ việc giảng dạy từng môn học.

Căn cứ vào số môn học, tổng số tín chỉ của chương trình, số học kì học viên cần tham gia học tập để hoàn thành chương trình lập kế hoạch giảng dạy từng học kì.

Thực hiện giảng dạy các môn học theo kế hoạch đã xây dựng; Tổ chức các hoạt động giảng dạy (theo các giờ Lý thuyết, thực hành,...), tổ chức kiểm tra, đánh giá từng học phần theo Đề cương chi tiết học phần đã xây dựng.